TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2023/DS - PT
Ngày: 13 – 11 – 2023
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng.**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**,
ông **Nguyễn Văn Thọ.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLPT - DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản";*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS - ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2023 /QĐ - PT ngày 03 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* bà **Huỳnh Thị Thu T** *(Huỳnh Thị S),* sinh năm 1956;

Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Bùi Thanh V**, sinh năm 1948;

3.2. Bà **Bùi Thị Thanh T1**, sinh năm 1993;

3.3. Bà **Bùi Thị Thanh T2**, sinh năm 1995;

3.4. Ông **Bùi Thanh C**, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3.5. **Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam**. *Người đại diện theo uỷ quyền:* ông Nguyễn Trà L, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện D *(văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2023);* địa chỉ: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

3.6. **Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam;** người đại diện hợp

pháp: ông Trần Văn S1**,** Phó Chủ tịch UBND xã D.

Người kháng cáo: bị đơn Huỳnh Thị Thu T *(Huỳnh Thị S);*

Các ông, bà: Bảy, V, C có mặt; những người tham gia tố tụng khác có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn: thửa đất số 152, tờ bản đồ số 13, diện tích là 321,5 m^2 tại thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T3 khai hoang và đã cho bà L1 sinh sống, định cư cho đến khi bà L1 chết. Bà Nguyễn Thị L2 đã tạo lập được một ngôi nhà gắn liền với thửa đất trên. Bà L2 có 03 người con gồm ông Huỳnh Văn A *(liệt sỹ)*, bà Huỳnh Thị Thu T *(Huỳnh Thị S)* và bà Huỳnh Thị B. Bà L2 chết năm 2006 không để lại di chúc, ngôi nhà được dùng cho việc thờ cúng. Đến năm 2015, nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất số 152, tờ bản đồ số 13, diện tích là 321,5 m^2 và bồi thường số tiền 124.827.633 đồng, bố trí cho một lô đất tái định cư với diện tích 308,27 m^2 tại Lô G -B12 Khu tái định cư ven biển thuộc thôn T, xã D cho gia đình bà bà Huỳnh Thị Thu T *(Huỳnh Thị S)*. Việc thu hồi đất và bồi thường nói trên thì bà Huỳnh Thị B không được nhà nước cũng như gia đình bà T thông báo. Đến tháng 5 năm 2018 và tháng 7 năm 2018 bà T 02 lần đưa tiền cho bà B với tổng số tiền là 150.000.000 đồng nhưng khi bà B hỏi tiền gì thì bà T không nói. Sau đó bà B đã làm đơn gửi lên Ủy ban nhân dân xã D, huyện D đề nghị làm rõ số tiền bồi thường và đất tái định cư do giải tỏa nhà đất của bà Nguyễn Thị L2 thì bà B mới biết được số tiền bồi thường nhà đất tái định cư của mẹ bà là do vợ chồng bà Huỳnh Thị Thu T, ông Bùi Thanh V nhận. Khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã D bà Huỳnh Thị Thu T đồng ý đưa thêm cho bà B số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà B không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D xem xét giải quyết phân chia tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L2 để lại, yêu cầu bà Huỳnh Thị T, ông Bùi Thanh V phải thối trả lại cho bà số tiền đang quản lý của mẹ bà là 2.003.755.000 đồng chia 2 mỗi người nhận 1.001.877.500 đồng, nhưng bà T đã đưa bà 150.000.000 đồng nên còn phải trả cho bà 851.877.500 đồng .

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: mẹ ruột bà T là bà Nguyễn Thị L2 *(sinh năm 1911, chết năm 2005)* và cha ruột bà là ông Huỳnh M, chết năm 1962, có 4 người con là: Huỳnh Văn A *(hy sinh năm 1971)*, Huỳnh Văn B1 *(chết năm 1967)*, Huỳnh Thị Thu T, Huỳnh Thị B. Năm 1981, bà Nguyễn Thị L2 từ quê lên sống với vợ chồng bà T. Đến năm 1994, bà L2 đi theo bà Huỳnh Thị B vào Đ. Cuối năm 1995, bà B dẫn bà L2 về giao cho bà T nuôi dưỡng. Cuối năm 1997, tâm nguyện của bà L2 là được về quê nên vợ chồng bà T đã dàn xếp đưa bà L2 về ở tạm với ông Nguyễn Văn T3 ở thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam và vợ chồng bà T đã xin ông T3 một thửa đất nhỏ để làm cho bà Nguyễn Thị L2 một cái nhà tạm bằng lá dừa để sinh sống. Năm 1999, bão lũ tốc mái, vợ chồng bà T về xây dựng lại ngôi nhà nhỏ *(mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch).* Bà L2 sinh sống ở ngôi nhà này đến năm 2005 thì chết. Sau khi bà L2 chết, ngôi nhà vợ chồng bà T xây dựng là nơi thờ cúng cho cha mẹ, ông bà tổ tiên. Đến năm 2016, khi nhà nước có chủ trương thu hồi, giải toả và đền bù tài sản với tổng số tiền là 124.827.633 đồng

thì vợ chồng bà T, ông V là người đứng tên kê khai và nhận đền bù. Đồng thời hộ gia đình bà T, ông V được nhà nước cấp cho thửa đất tái định cư Lô 07 - B12, tờ bản đồ số QH 03 Khu tái định cư ven biển D thuộc thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Hiện nay, thửa đất tái định cư Lô 07- B12 nêu trên đã được gia đình bà chuyển nhượng cho người khác với giá trị 2.000.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm phía bị đơn xác định giá trị thửa đất tái định cư tại thời điểm năm 2018 là 2.003.755.000 đồng; bà T thừa nhận có cho bà Huỳnh Thị B số tiền là 150.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

- Các ông, bà: Bùi Thanh V, Bùi Thành C1, Bùi Thị Thanh T1, Bùi Thị Thanh T2 thống nhất với quan điểm của bị đơn, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam cho rằng thửa đất số 152, tờ bản đồ số 13, diện tích 321,5 m^2 tại thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam là thửa đất hoang do Ủy ban nhân dân xã D quản lý. Cho đến năm 1996 -1997 thì bà Nguyễn Thị L2 đến xây dựng nhà ở và sinh sống cho đến khi bà L2 chết. Ủy ban nhân dân huyện D khẳng định thửa đất số 152 là của bà Nguyễn Thị Liêu . Việc thu hồi đất, đền bù và cấp cho hộ gia đình bà Huỳnh Thị Thu T và ông Bùi Thanh V được nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất tái định cư Lô 07-B12, tờ bản đồ số QH 03 Khu tái định cư ven biển Duy H là không đúng với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện D cùng quan điểm với Ủy ban nhân dân huyện D.

Với nội dung như trên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS - ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 26, 35, 227, 228, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 609, 612, 623, 649, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: *chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị B về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" với bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T. Buộc bà Huỳnh Thị Thu T và ông Bùi Thanh V phải tiếp tục thanh toán cho bà Huỳnh Thị B số tiền chia tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L2 còn lại là 813.107.900 đồng (tám trăm mười ba triệu, một trăm lẽ bảy ngàn, chín trăm đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 7 năm 2023 bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Tòa án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đương sự cung

cấp chứng cứ chứng minh chi phí tôn tạo, quản lý di sản và các chi phí khác liên quan đến người để lại di sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm; các đương sự thông báo không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn

[2.1]. Về thủ tục tố tụng: việc kháng cáo của bị đơn được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thu T *(Huỳnh Thị S)* là hợp pháp.

[2.2]. Về nội dung

Thứ nhất, Tòa án nhân dân huyện D thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về chia di sản của bà Nguyễn Thị L2 để lại gồm khoản tiền Nhà nước bồi thường 124.827.633 đồng và giá trị quyền sử dụng lô đất tái định cư Lô G – B12 *(BL 18).* Tại phần nội dung vụ án của Bản án sơ thẩm và khi nghị án, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm ghi nhận: *"tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị B không yêu cầu chia khoản tiền bồi thường 124.827.633 đồng mà giao toàn bộ cho bà T, ông V được hưởng" (BL: 244; 249).* Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xử lý, kết luận về nội dung này tại phần quyết định của Bản án.

Thứ hai, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa xác định được: từ năm 1999, khi bà L2 đã hơn 80 tuổi, bà T là người có công sức trong việc xây dựng nhà để bà L2 ở; đến năm 2006, sau khi bà L2 chết, ngôi nhà được sử dụng vào việc thờ cúng và vợ chồng bà T quản lý cho đến khi giải quyết tranh chấp *(BL: 212 – 215; 222 – 224).* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế vì cho rằng nhà và đất tranh chấp không phải là di sản của bà L2 để lại; tại phiên tòa sơ thẩm, khi được hỏi về công tôn tạo, bảo quản di sản, chi phí sửa chữa nhà, chăm sóc người để lại di sản, làm mồ mã, thờ cúng...thì ông V *(chồng bà T)* đề nghị giải quyết theo pháp luật *(BL: 258 – 259).* Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông V khẳng định việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết quyền lợi của vợ chồng ông đối với công bảo quản, sửa chữa di sản, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản, chi phí làm mồ mã là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của vợ chồng ông.

Thứ ba, chi phí cho việc bảo quản di sản là quyền của người đang quản lý di sản được hưởng khi thanh toán và phân chia di sản theo quy định tại khoản 2 Điều 368 và khoản 9 Điều 683 Bộ luật Dân sự năm 2005 *(pháp luật tại thời điểm mở thừa kế).*

Đối chiếu kết quả tranh tung tại phiên tòa với quy định của pháp luật đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy: quan điểm của bị đơn về việc đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có phạm vi quyền lớn hơn, bao trùm phạm vi quyền trong yêu cầu tính công quản lý, sửa chữa di sản. Mặt khác, tại phiên

tòa sơ thẩm, người quản lý di sản yêu cầu giải quyết quyền lợi theo pháp luật; người được hưởng thừa kế thay đổi yêu cầu chia phần di sản liên quan đến tiền đền bù của Nhà nước với nguyện vọng giao số tiền này cho người quản lý di sản. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tách phần yêu cầu về *"công sửa chữa, quản lý di sản, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản, chi phí làm mồ mã"* ra, dành quyền khởi kiện cho bị đơn tại vụ việc khác, không xử lý việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong phần quyết định của Bản án là không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *(quyết định các vấn đề thuộc vụ án trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa),* giải quyết không triệt để yêu cầu của đương sự, thuộc tình huống pháp lý tại Án lệ số 05/2016/AL *(được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)*, là trường hợp vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS - ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị Thu T *(Huỳnh Thị S),* hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS - ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* người kháng cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(13/11/2023).*

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện D;
- THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng